

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

Thời gian : 18h15 - 03/11/2025 - Phòng : 502 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN            | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP            | DL BT  | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|----------------------|-----------|------------|----------------|--------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                      |           |            |                |        |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 27202241869 | Võ Thị Kiều          | Anh       | 26/05/2003 | Nghệ An        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 2  | 28212201361 | Đặng Quốc            | Bảo       | 25/10/2004 | Nghệ An        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 3  | 28216553131 | Trương Xuân          | Bìn       | 31/03/2004 | Hòa Bình       | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 4  | 28214637683 | Ông Văn              | Cường     | 10/02/2004 | Đà Nẵng        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 5  | 28212353890 | Triệu Viết           | Đạt       | 26/09/2004 | Gia Lai        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 6  | 28214639639 | Văn Thị Thúy         | Diễm      | 15/08/2004 | Đà Nẵng        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 7  | 28212200950 | Nguyễn Văn           | Đức       | 15/03/2004 | Quảng Nam      | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 8  | 28212301345 | Phạm Trung           | Đức       | 22/12/2004 | Gia Lai        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 9  | 28208149389 | Nguyễn Thùy          | Dung      | 22/04/2004 | Đà Nẵng        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 10 | 28204648077 | Phan Thị Ngọc        | Hải       | 02/04/2004 | Thừa Thiên Huế | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 11 | 28206501064 | Nguyễn Thị Thúy      | Kiều      | 26/02/2004 | Quảng Ngãi     | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 12 | 28208040213 | Hoàng Kim            | Ngân      | 14/09/2004 | Quảng Nam      | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 13 | 28208029156 | Nguyễn Thị Bích      | Ngọc      | 17/04/2004 | Đà Nẵng        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 14 | 28204302856 | Lê Hoàng Minh        | Nguyệt    | 29/06/2004 | Đà Nẵng        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 15 | 28206551718 | Trần Thị Kim         | Phượng    | 19/11/2004 | Quảng Ngãi     | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 16 | 28208101910 | Nguyễn Thị Như       | Quỳnh     | 05/03/2003 | Gia Lai        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 17 | 29206725012 | Nguyễn Duy Như       | Quỳnh     | 17/02/2005 | Quảng Trị      | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 18 | 29209548300 | Trần Nguyễn Thúy     | Tiên      | 21/12/2005 | Thừa Thiên Huế | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 19 | 28206201369 | Lê Thị Thảo          | Trân      | 11/11/2004 | Bình Định      | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 20 | 28208024752 | Văn Thị Thục         | Trinh     | 29/06/2004 | Đà Nẵng        | 31CHT7 |        |        |      |     |          |
| 21 | 27202241855 | Nguyễn Tổng<br>Tường | Vy        | 28/11/2003 | Quảng Nam      | 30CBN3 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 22 | 28208400888 | Hoàng Thị            | Huệ       | 10/01/2004 | Đắk Nông       | 31CHT6 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 23 | 27202231345 | Hoàng Thị Ngọc       | Minh      | 04/06/2003 | Quảng Bình     | 31CHT6 |        |        |      |     | Thi ghép |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

LẬP BẢNG

GIÁM THỊ 1, 2, 3

GIÁM KHẢO 1, 2

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 03/11/2025 - Phòng : 609 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN             | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP    | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|-----------------------|------------|----------------|--------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                       |            |                |        |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28206746067 | Nguyễn Thị Thanh Trúc | 08/03/2004 | Quảng Nam      | 31CHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28206503671 | Nguyễn Thị Mỹ Ty      | 24/07/2004 | Quảng Ngãi     | 31CHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 27203837388 | Trần Lê Uyên          | 28/09/2003 | Quảng Nam      | 31CHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28216501401 | Bùi Văn Vũ            | 30/10/2004 | Quảng Nam      | 31CHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 29204645546 | Nguyễn Thị Mỹ Yển     | 04/07/2005 | Quảng Trị      | 31CHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28208004094 | Lê Thị Kim Chi        | 13/07/2004 | Quảng Trị      | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 28214536712 | Bùi Thành Công        | 22/06/2004 | Long An        | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 28214606801 | Tạ Minh Hải           | 29/04/2004 | Thái Bình      | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 28204551452 | Trương Thị Mỹ Hạnh    | 09/01/2004 | Thừa Thiên Huế | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28204549267 | Võ Thị Hồng Hậu       | 25/04/2004 | Quảng Nam      | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28209306287 | Nguyễn Thị Mỹ Hiền    | 03/01/2004 | Phú Yên        | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28204551902 | Nguyễn Thị Thu Hoài   | 28/03/2004 | Gia Lai        | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28214550435 | Trần Nhật Huy         | 16/07/2004 | Quảng Bình     | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28212253613 | Trịnh Kiêm            | 08/05/2004 | Thừa Thiên Huế | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28214528492 | Lê Đức Bảo Lâm        | 18/03/2004 | Hà Nội         | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28214502604 | Phan Thái Mạnh        | 08/08/2005 | Nghệ An        | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28202700209 | Phan Trần Huyền My    | 01/02/2003 | Đắk Lắk        | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 28216251206 | Võ Trung Nguyên       | 06/07/2004 | Ninh Thuận     | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28204501023 | Trương Thị Quỳnh Nhi  | 20/10/2004 | Kon Tum        | 31SHT7 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 28206534971 | Trần Thu Hiền         | 28/06/2003 | Quảng Trị      | 31CSC6 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 21 | 28208106106 | Trần Thị Ý Như        | 28/10/2004 | Quảng Ngãi     | 31CSC6 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 22 | 28218426714 | Đỗ Lê Danh            | 15/07/2004 | Đà Nẵng        | 31SBN6 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

*Thời gian : 18h15 - 03/11/2025 - Phòng : 610 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN              | NGÀY SINH  | NƠI SINH       | LỚP     | DL BT | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|------------------------|------------|----------------|---------|-------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                        |            |                |         |       |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 1  | 28204505623 | Phạm Lê Quỳnh Như      | 14/02/2004 | Đà Nẵng        | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 2  | 28206605426 | Đỗ Nguyễn Đan Phượng   | 27/09/2004 | Đà Nẵng        | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 3  | 28206631910 | Trần Thị Tố Quyên      | 07/10/2004 | Đà Nẵng        | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 4  | 28216806037 | Trần Xuân Quyền        | 24/12/2003 | Đắk Lắk        | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 5  | 28204600357 | Phạm Thị Thúy Tâm      | 03/06/2004 | Đắk Lắk        | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 6  | 28214648008 | Nguyễn Thân            | 05/09/2004 | Thừa Thiên Huế | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 7  | 26202218413 | Nguyễn Thu Thảo        | 20/07/2002 | Quảng Ngãi     | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 8  | 27202120563 | Nguyễn Hương Trà       | 22/08/2003 | Quảng Ngãi     | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 9  | 27204702109 | Trần Thị Trang         | 02/05/2003 | Nghệ An        | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 10 | 28204553604 | Nguyễn Thị Thùy Trang  | 15/08/2004 | Quảng Nam      | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 11 | 28206653681 | Nguyễn Cao Minh Trang  | 17/07/2004 | Đà Nẵng        | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 12 | 28204551730 | Lê Thị Mỹ Trinh        | 10/10/2004 | Thừa Thiên Huế | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 13 | 28216500732 | Nguyễn Kiều Thúy Vi    | 01/01/2004 | Bình Định      | 31SHT7  |       |        |        |      |     |          |
| 14 | 28212303978 | Phạm Văn Thành Đạt     | 22/07/2004 | Khánh Hòa      | 31THT12 |       |        |        |      |     |          |
| 15 | 28206504400 | Nguyễn Thị Thùy Dương  | 25/03/2003 | Quảng Nam      | 31THT12 |       |        |        |      |     |          |
| 16 | 28206506855 | Trương Thị Mỹ Hà       | 04/07/2004 | Đắk Lắk        | 31THT12 |       |        |        |      |     |          |
| 17 | 28214600618 | Mai Ngọc Hải           | 15/10/2004 | Quảng Trị      | 31THT12 |       |        |        |      |     |          |
| 18 | 28213102908 | Hà Xuân Huy            | 21/03/2004 | Quảng Bình     | 31THT12 |       |        |        |      |     |          |
| 19 | 28219604274 | Nguyễn Bảo Khang       | 21/03/2004 | Quảng Ngãi     | 31THT12 |       |        |        |      |     |          |
| 20 | 28212347202 | Phạm Văn Hậu           | 08/08/2004 | Đắk Nông       | 31SYC5  |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 21 | 28212742360 | Trương Trọng Phú       | 27/02/2004 | Gia Lai        | 31TBN10 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 22 | 28208141275 | Bùi Lê Thảo Phượng     | 05/05/2004 | Quảng Nam      | 31TBN11 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 23 | 28218100393 | Phạm Trung Trí         | 02/01/2004 | Quảng Ngãi     | 31TBN11 |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 24 | 28208001901 | Nguyễn Thị Phương Thảo | 27/02/2004 | Quảng Nam      | 31TBN8  |       |        |        |      |     | Thi ghép |
| 25 | 28202738950 | Dương Ngọc Bảo Nhi     | 05/08/2004 | Đà Nẵng        | 31THT11 |       |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THI 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

**ĐẠI HỌC DUY TÂN**  
**TRUNG TÂM TIN HỌC DUY TÂN**

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT 1 THÁNG 11/2025**  
**CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**  
**MÔN THI: THỰC HÀNH ỨNG DỤNG**

Thời gian : 18h15 - 03/11/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN         | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT   | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ |
|----|-------------|-------------------|-----------|------------|------------|---------|--------|--------|------|-----|---------|
|    |             |                   |           |            |            |         |        |        | SỐ   | CHỮ |         |
| 1  | 28204642344 | Hồ Thị Hoa        | Lan       | 01/09/2004 | Nghệ An    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 2  | 28204349843 | Nguyễn Thị Thùy   | Linh      | 25/04/2003 | Quảng Nam  | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 3  | 28213152948 | Phan Công         | Linh      | 13/09/2004 | Đà Nẵng    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 4  | 28212303547 | Nguyễn Văn        | Lĩnh      | 23/07/2004 | Gia Lai    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 5  | 28213104088 | Nguyễn Thành      | Long      | 16/01/2004 | Quảng Trị  | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 6  | 28213103385 | Nguyễn Duy        | Luân      | 29/02/2004 | Phú Yên    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 7  | 29206223278 | Lê Ngọc Thảo      | My        | 30/10/2005 | Gia Lai    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 8  | 28213100669 | Đoàn Mạnh Thanh   | Nam       | 01/06/2004 | Đà Nẵng    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 9  | 28204653281 | Lưu Thị Kim       | Ngân      | 18/05/2004 | Đà Nẵng    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 10 | 28212301061 | Hoàng Duy         | Ngọc      | 07/12/2004 | Đắk Lắk    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 11 | 28214329736 | Trần Việt         | Nhân      | 03/03/2004 | Đà Nẵng    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 12 | 28206506025 | Lê Thị Cẩm        | Nhi       | 25/05/2004 | Gia Lai    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 13 | 28206551984 | Trần Thị Quỳnh    | Như       | 20/03/2004 | Đà Nẵng    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 14 | 29206559246 | Trần Hồ Trung     | Như       | 06/11/2005 | Quảng Ngãi | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 15 | 28207249030 | Nguyễn Thị Như    | Quỳnh     | 20/03/2004 | Quảng Ngãi | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 16 | 28212602406 | Nguyễn Văn        | Son       | 03/11/2004 | Đà Nẵng    | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 17 | 28212945269 | Tô Đình           | Son       | 10/08/2004 | Lâm Đồng   | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 18 | 28212306628 | Bùi Vạn Thiên     | Tân       | 23/06/2004 | Quảng Ngãi | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 19 | 28213100853 | Kiều Quang        | Thương    | 15/05/2004 | Quảng Ngãi | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 20 | 29206500118 | Trần Thị          | Thủy      | 10/02/2005 | Quảng Trị  | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 21 | 28206853386 | Hồ Thị Chơn       | Tịnh      | 27/02/2004 | Quảng Trị  | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 22 | 28204354851 | Phan Trần Linh    | Trang     | 07/04/2004 | Quảng Trị  | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 23 | 28214651860 | Võ Minh           | Tuấn      | 04/04/2004 | Quảng Trị  | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 24 | 28212336919 | Nguyễn Thanh      | Tùng      | 02/02/2004 | Quảng Ngãi | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 25 | 31265280010 | Nguyễn Thị Phương | Uyên      | 28/04/1999 | Quảng Ngãi | 31THT12 |        |        |      |     |         |
| 26 | 27202103195 | Hà Thúy           | Vi        | 19/05/2003 | Quảng Bình | 31THT12 |        |        |      |     |         |

Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**

*Thời gian : 18h15 - 03/11/2025 - Phòng : 623 - Cơ sở: K7/25 Quang Trung*

| TT | MÃ HỌC VIÊN | HỌ VÀ TÊN      | NGÀY SINH | NƠI SINH   | LỚP        | DL BT   | SỐ MÁY | KÝ TÊN | ĐIỂM |     | GHI CHÚ  |
|----|-------------|----------------|-----------|------------|------------|---------|--------|--------|------|-----|----------|
|    |             |                |           |            |            |         |        |        | SỐ   | CHỮ |          |
| 27 | 28214300890 | Huỳnh Thị Kiều | Hoanh     | 15/11/2004 | Quảng Ngãi | 31TSC10 |        |        |      |     | Thi ghép |
| 28 | 27211300541 | Trần Đình      | Hải       | 04/11/2003 | Phú Yên    | 31TYC7  |        |        |      |     | Thi ghép |

*Số học viên vắng : .....; Số học viên đình chỉ : .....; Số bài thi : .....; Số tờ : .....*

**LẬP BẢNG**

**GIÁM THỊ 1, 2, 3**

**GIÁM KHẢO 1, 2**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**